

Số: 959 /KH-UBND

Điện Biên, ngày 17 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH
Hành động về dinh dưỡng đến năm 2020
trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của ngành Y tế, sự tham gia tích cực của các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và toàn xã hội, tỉnh Điện Biên đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Điện Biên, cụ thể như: Kiến thức và thực hành dinh dưỡng của người dân từng bước được cải thiện, tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm dần qua từng năm (cụ thể: thể nhẹ cân đã giảm từ 21,6% năm 2011 xuống 18,8% năm 2015 và thể thấp còi đã giảm từ 32,9% năm 2011 xuống 31,9% năm 2015. Chi tiết các kết quả như phụ lục đính kèm); công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và cải thiện tình trạng dinh dưỡng được triển khai hiệu quả ở 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh.

Tuy nhiên, tỉnh Điện Biên vẫn còn gặp những thách thức lớn về dinh dưỡng như: Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi vẫn còn cao (cao gấp 1,34 lần so với toàn quốc), trong khi đó tình trạng thừa cân béo phì, rối loạn chuyển hóa và các yếu tố nguy cơ sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng đang gia tăng nhanh ở cả trẻ em và người trưởng thành đang có xu hướng gia tăng; tình trạng thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn ở mức cao; Nguồn nhân lực thực hiện các chương trình dinh dưỡng còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng; Tỷ lệ hộ nghèo còn cao (41,01%); Trình độ dân trí không đồng đều, còn tồn tại một số phong tục, tập quán lạc hậu ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa; tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống còn tồn tại ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những vấn đề đó đang là những thách thức tiếp tục đòi hỏi những nỗ lực cao trong hành động của Đảng bộ, chính quyền và ban ngành của tỉnh, hướng tới dinh dưỡng hợp lý và tăng cường sức khỏe cho cộng đồng nhằm góp phần đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người dân tỉnh Điện Biên trong thời gian tới.

(Chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm)

Từ những lý do trên, UBND tỉnh Điện Biên xây dựng Kế hoạch hành động về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, với những nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 20-NQ/TW Ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 - 2025;

- Quyết định 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011- 2030;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chỉ tiêu quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

- Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020;

- Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới;

- Quyết định số 4177/QĐ-BYT, ngày 03/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2017 - 2020;

- Quyết định số 718/QĐ-BYT, ngày 29/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Dinh dưỡng đến năm 2020;

- Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch Phát triển ngành Y tế tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020 và tầm nhìn đến 2030;

- Kế hoạch số 1576/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Điện Biên;

- Kế hoạch số 1547/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Điện Biên thực hiện Chiến lược Dân số - SKSS Việt Nam giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh Điện Biên thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2017 - 2020, tỉnh Điện Biên;

- Kế hoạch hành động số 519/KH-UBND ngày 07/3/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2018 - 2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Dinh dưỡng cân đối, hợp lý là yếu tố quan trọng nhằm hướng tới phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất, trí tuệ của người dân trên địa bàn và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng là trách nhiệm của các cấp, các ngành và mọi người dân. Cần tăng cường sự phối hợp liên ngành trong các hoạt động dinh dưỡng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, huy động sự tham gia toàn thể của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của mỗi người dân. Nguồn lực đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng được huy động từ nhiều nguồn, trong đó ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động dinh dưỡng tại các vùng nghèo, vùng khó khăn, trong thiên tai, thảm họa, đối tượng bà mẹ và trẻ em. Tăng cường xã hội hóa để tạo nguồn lực cho hoạt động dinh dưỡng.

3. Bảo đảm chăm sóc dinh dưỡng giai đoạn 1000 ngày đầu đời từ lúc bà mẹ có thai đến khi trẻ tròn 2 tuổi để phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em một cách có hiệu quả.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, bữa ăn của người dân được cải thiện về số lượng, cân đối hơn về chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh; suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt thể thấp còi được giảm mạnh, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân tỉnh Điện Biên, kiểm soát có hiệu quả tình trạng thừa cân, béo phì góp phần hạn chế các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.

2. Các mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em

Chỉ tiêu:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi từ 28,13% (năm 2017) xuống 26,5% (năm 2020).

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi từ 7,5% (năm 2017) xuống 6,5% (năm 2020).

- Giảm tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ thiếu năng lượng trường diễn từ 6,7% (năm 2017) xuống <6% (năm 2020).

- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2500 gam) từ 5,7% (năm 2017) xuống dưới 5,0% (năm 2020).

- Tăng tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu từ 31,5% (năm 2017) lên 38% (năm 2020).

2.2. Mục tiêu 2: Giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của người dân

Chỉ tiêu:

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng Vitamin A huyết thanh thấp xuống <11% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới 25,5%;

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 15%;
- Bảo đảm tỷ lệ hộ gia đình dùng muối I-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh đạt 100%.

2.3. Mục tiêu 3: Cải thiện số lượng và chất lượng bữa ăn của người dân, từng bước kiểm soát tình trạng thừa cân - béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng ở người trưởng thành.

Chỉ tiêu:

- Không chế tỷ lệ thừa cân - béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 5% đối với vùng nông thôn và dưới 10% đối với vùng thành thị.
- Không chế tỷ lệ thừa cân - béo phì ở người trưởng thành ở mức dưới 12%;
- Giảm mức tiêu thụ muối trung bình ở người trưởng thành xuống dưới 7gam/người/ngày.

2.4. Mục tiêu 4: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế

Chỉ tiêu:

- Bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến tỉnh được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng;
- Bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng;
- 80% bệnh viện tuyến tỉnh và 50% bệnh viện tuyến huyện có cán bộ dinh dưỡng tiết chế và thực hiện tư vấn, kê thực đơn dinh dưỡng cho điều trị một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù.
- 100% huyện thực hiện giám sát dinh dưỡng theo quy định; 100% tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng do thiên tai, thảm họa được đánh giá và can thiệp kịp thời.

(Chi tiết như Phụ lục 02 đính kèm)

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về chính sách

a) Triển khai quán triệt, tuyên truyền và thực hiện các chính sách, quy định pháp luật về dinh dưỡng và thực phẩm theo quy định của Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan, như:

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới.

- Quán triệt, triển khai thực hiện Luật Trẻ em, Nghị định số 100/2014/NĐ-CP của Chính phủ, về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, Nghị định 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ, về tăng cường vi chất vào thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ;

- Tổ chức triển khai thực hiện chính sách về bảo hiểm y tế để chi trả dịch vụ tư vấn và điều trị phục hồi cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng; chính sách về

đinh dưỡng cho trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo, bệnh chuyển hóa do di truyền và bệnh hiếm; quy định về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực trong trường học khi có hướng dẫn của Trung ương.

- Thực hiện các chính sách, quy định để kiểm soát việc quảng cáo tiếp cận các thực phẩm, sản phẩm không có lợi cho sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em và phụ nữ có thai; chính sách để giảm lượng muối trong khẩu phần ăn, hạn chế tiêu thụ đồ uống ngọt có ga và thực phẩm chế biến sẵn; quy định về ghi nhãn dinh dưỡng thực phẩm và cảnh báo những ảnh hưởng đến sức khỏe đối với các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trên địa theo quy định.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cho vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị thiên tai; chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là cho phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b) Tiếp tục đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương và của tỉnh.

c) Kiện toàn Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân các cấp, trên cơ sở bổ sung chức năng, nhiệm vụ phù hợp với kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2020; Nâng cao vai trò Ban chỉ đạo thông qua các cuộc họp thường niên hàng năm nhằm đánh giá kết quả triển khai và xây dựng kế hoạch hoạt động cũng như chỉ đạo công tác phối hợp liên ngành và huy động nguồn lực; Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng. Có chính sách, giải pháp huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch.

2. Giải pháp về truyền thông và vận động xã hội

a) Sử dụng mạng lưới truyền thông từ trung tâm đến các địa phương để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng.

b) Nghiên cứu xây dựng và cung cấp các tài liệu, chương trình truyền thông, tư vấn về sức khỏe và dinh dưỡng phù hợp từng địa phương về phương thức truyền thông, các nhóm đối tượng, chú trọng nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý của phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người chăm sóc, học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên, người lao động và người bệnh.

c) Tăng cường truyền thông trực tiếp đến các đối tượng, các địa bàn có tỷ lệ suy dinh dưỡng (nhất là suy dinh dưỡng thấp còi) cao như vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hộ nông dân nghèo và cận nghèo.

d) Phát huy mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong giáo dục truyền thông dinh dưỡng cho trẻ em.

đ) Thực hiện có hiệu quả truyền thông tiếp thị xã hội để phòng chống thiếu vi chất cho người dân.

e) Vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và cung ứng thực phẩm an toàn.

3. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

a) Tập trung chăm sóc dinh dưỡng cho 1000 ngày đầu đời, bao gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ; đảm bảo nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

b) Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao:

- Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em và bà mẹ sau sinh; đa vi chất cho trẻ em; viên sắt đa vi chất cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và cho con bú; kẽm cho trẻ tiêu chảy;

- Thực hiện điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em và hỗ trợ dinh dưỡng vùng có thiên tai, thảm họa;

- Thực hiện tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Nghiên cứu, xây dựng các mô hình và các giải pháp can thiệp phù hợp góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân phù hợp với từng địa phương, ưu tiên những vùng nghèo, khó khăn, dân tộc thiểu số, hộ nông dân nghèo, cận nghèo và các nhóm đối tượng có nguy cơ khác.

d) Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

đ) Triển khai các hoạt động dinh dưỡng hợp lý tại trường học:

- Giáo dục, truyền thông, tư vấn thay đổi hành vi cho học sinh và cha mẹ học sinh về nhu cầu dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực. Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về tầm vóc và thể chất.

- Hướng dẫn, tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh bán trú, nội trú trong trường học. Có các quy định để hạn chế tiếp cận với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe học sinh;

- Hướng dẫn tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ;

- Theo dõi tình trạng dinh dưỡng học sinh, duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

e) Cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân:

- Hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm; thúc đẩy mô hình sản xuất để tạo nguồn thực phẩm sẵn có, đảm bảo chất lượng cho bữa ăn tại hộ gia đình;

- Phổ biến các hướng dẫn cho người dân và những đối tượng đặc thù về chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý theo quy định.

g) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân - béo phì và các bệnh không lây nhiễm tại các tuyến.

h) Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng tại các cơ sở khám, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

i) Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, thực hiện hiệu quả bộ công cụ và các chỉ số giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và triển khai Kế hoạch; tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

k) Theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức các điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện của Kế hoạch.

4. Giải pháp về nguồn lực

a) Về phát triển nguồn nhân lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở tuyến cơ sở;

- Nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý điều hành các chương trình, hoạt động dinh dưỡng cho cán bộ ở các cấp từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở và các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh liên quan. Huy động sự tham gia của cộng tác viên công tác xã hội thuộc các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp;

- Đào tạo cán bộ dinh dưỡng chuyên sâu, cán bộ dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện; triển khai khoa dinh dưỡng lâm sàng tại các bệnh viện;

- Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên và cán bộ làm công tác thông tin, giáo dục, truyền thông tại các tuyến để nâng cao năng lực tuyên truyền, phổ biến Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng và các hoạt động thực hiện Kế hoạch đến các tầng lớp nhân dân;

- Sử dụng tài liệu đào tạo, tập huấn liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu, dinh dưỡng và hoạt động thể lực phòng chống bệnh mạn tính không lây nhiễm, tư vấn dinh dưỡng, dinh dưỡng lâm sàng và các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật liên quan khác theo quy định của Bộ Y tế.

b) Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước ưu tiên cho hoạt động dinh dưỡng ở vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng có thiên tai và chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, phụ nữ có thai và người nghèo;

- Nguồn vốn viện trợ ODA, viện trợ chính phủ nước ngoài;

- Nguồn bảo hiểm y tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm huy động các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch hành động về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ về chọn, tạo giống mới có hàm lượng các chất dinh dưỡng thích hợp; nghiên cứu sản xuất và chế biến các thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng và dinh dưỡng đặc hiệu phù hợp với các đối tượng để cải thiện phát triển thể chất, trí tuệ, nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và cung cấp thông tin về dinh dưỡng và thực phẩm.

V. DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ

1. Tổng nhu cầu vốn sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2018 - 2020 là **3.740** triệu đồng.

2. Dự kiến nguồn vốn

a) Ngân sách trung ương: 2.259 triệu đồng.

b) Hỗ trợ từ ngân sách địa phương (chi thường xuyên): 1.181 triệu đồng (cân đối chung trong dự toán chi thường xuyên sự nghiệp y tế được giao cho ngành hàng năm).

c) Nguồn ODA, phi chính phủ và nguồn vốn hợp pháp khác: 300 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 03 đính kèm).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; huy động các nguồn viện trợ, nguồn vốn vay, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho thực hiện Kế hoạch; xây dựng kế hoạch hàng năm để thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2018 - 2020; chịu trách nhiệm điều phối, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tham mưu, cân đối các nguồn vốn, huy động các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn vốn khác bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện kế hoạch hàng năm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan truyền thông tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về các biện pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong đó có công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan trong việc kiểm soát, quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm liên quan.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong toàn ngành, chủ động áp dụng chương trình giáo dục dinh dưỡng và thể chất cho học sinh từ mầm non đến Cao đẳng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phối hợp với ngành Y tế tổ chức tuyên truyền giáo dục về chăm sóc dinh dưỡng trường học; theo dõi giám sát tình trạng dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh trong trường học. Lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng và kiến thức cơ bản về làm mẹ vào quá trình giảng dạy phù hợp với cấp học; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn về dinh dưỡng và vận động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh, đặc biệt là cho nhóm tuổi tiền dậy thì và dậy thì; Tổ chức bữa ăn học đường cho học sinh các trường nội trú, bán trú bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực cho trẻ em, học sinh; tham gia các chương trình đào

tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dinh dưỡng do ngành Y tế và ngành Giáo dục tổ chức.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì xây dựng kế hoạch và giải pháp bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm, phối hợp với các Sở ban ngành liên quan tổ chức thực hiện các kế hoạch để đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh. Phát triển mô hình sinh thái Vườn - Ao - Chuồng (VAC), xây dựng và triển khai chương trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chú trọng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trẻ em người dân tộc thiểu số

8. Các Sở, ban, ngành liên quan khác: Tham gia thực hiện Kế hoạch này theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội và nghề nghiệp: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, các nội dung tuyên truyền của ngành Y tế để tổ chức phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng hợp lý cho các đoàn viên, hội viên và nhân dân; phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện xã hội hóa công tác dinh dưỡng và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược.

10. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế để phổ biến các kiến thức về sức khỏe và dinh dưỡng hợp lý cho các hội viên và các bà mẹ, vận động cộng đồng cùng tham gia để triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện Kế hoạch; tiếp tục ưu tiên đưa các mục tiêu chăm sóc dinh dưỡng vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và 5 năm; tăng cường đầu tư nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu thuộc địa phương quản lý. Chỉ đạo Phòng Y tế và các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND các xã trên địa bàn quản lý phối hợp chặt chẽ trong nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch tại địa phương; hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch hành động về dinh dưỡng đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ tổ chức triển khai thực hiện./ff

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đ/c Chỉ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX^(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Quý



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2011-2017
(Kèm theo Kế hoạch số 959/KH-UBND, ngày 17 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2010	Mục tiêu đến 2015	Thực hiện 2011	Thực hiện 2015	Số sánh thực hiện 2015 với mục tiêu 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017
I	Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.								
	Chỉ tiêu:								
1	+ Giảm tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ tuổi sinh đẻ	%	27,4	25	8,95	6,8	Đạt		6,7
2	+ Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2500 gam)	%	7,65	6,1	7,25	6,4	Không đạt	5,9	5,7
3	+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	34,5	29	32,9	31,9	Không đạt	31,6	28,13
4	+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	22,5	20	21,6	18,8	Đạt	18,6	17,56
II	Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng.								
	Chỉ tiêu:								
1	+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng vitamin A huyết thanh thấp (<0,7 µmol/L)	%	14,5	<10	Không có điều tra	16,1	Không đạt	Không có điều tra	
2	+ Giảm Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai	%	45,7	30	Không có điều tra	32,8	Không đạt	Không có điều tra	
3	+ Giảm Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	35,5	25	Không có điều tra	31,2	Không đạt	Không có điều tra	
4	+ Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối i-ốt hàng ngày đủ tiêu chuẩn phòng bệnh (≥20ppm)	%	100	100	100	100	Đạt	100	100
5	+ Mức trung vị i-ốt niệu của bà mẹ có con dưới 5 tuổi	µg/dl		10 - 20	Không có điều tra			Không có điều tra	
III	Mục tiêu 3: Nâng cao hiểu biết và tăng cường thực hành dinh dưỡng hợp lý								
	Chỉ tiêu:								

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2010	Mục tiêu đến 2015	Thực hiện 2011	Thực hiện 2015	So sánh thực hiện 2015 với mục tiêu 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017
1	+ Tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	6,0	20	3,9	25,0	Đạt	30,6	31,5
2	+ Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức và thực hành dinh dưỡng đúng đối với trẻ ốm	%		70	Không có điều tra			Không có điều tra	
3	+ Tỷ lệ nữ thanh niên được huấn luyện về dinh dưỡng và kiến thức cơ bản về làm mẹ	%		40	Không có điều tra			Không có điều tra	
IV	Mục tiêu 4: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế.								
	Chỉ tiêu:								
1	+ Tỷ lệ bệnh viện tuyến tỉnh có cán bộ dinh dưỡng tiết chế	%		70	20	60	Không đạt	60	60
2	+ Tỷ lệ bệnh viện tuyến huyện có cán bộ dinh dưỡng tiết chế	%		30	11,1	33,3	Đạt	33,3	33,3
3	+ Tỷ lệ cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến tỉnh, huyện, xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng	%	100	100	100	100,0	Đạt	100	100

PHỤ LỤC 02:

CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU VỀ DINH DƯỠNG ĐẾN NĂM 2020, TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Kế hoạch số 99/KH-UBND, ngày 17 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Mục tiêu đến 2020	
				Toàn quốc	Điện Biên
I	Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em				
	<i>Chỉ tiêu:</i>				
1	- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	28,13	< 21,5	26,5
2	- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	7,5	< 5	6,5
3	- Giảm tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ thiếu năng lượng trường diễn	%	6,7	< 12	< 6
4	- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2500 gam)	%	5,7	< 8	< 5
5	- Tăng tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt 35%.	%	31,5	35	38
II	Mục tiêu 2: Giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của người dân				
	<i>Chỉ tiêu:</i>				
1	- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng Vitamin A huyết thanh	%	Không có điều tra	< 11	< 11
2	- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai (ở vùng miền núi)	%	Không có điều tra	< 25,5	< 25,5
3	- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	Không có điều tra	< 15	< 15
4	- Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối I-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh	%	100	100	100
III	Mục tiêu 3: Cải thiện số lượng và chất lượng bữa ăn của người dân, từng bước kiểm soát tình trạng thừa cân - béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng ở người trưởng thành.				
	<i>Chỉ tiêu:</i>				
1	- Không chế tỷ lệ thừa cân - béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	2,5	< 5%: vùng nông thôn; < 10%: thành phố	< 5%: vùng nông thôn < 10%: thành phố
2	- Không chế tỷ lệ thừa cân - béo phì ở người trưởng thành	%	Không có điều tra	< 12	< 12
IV	Mục tiêu 5: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế				
	<i>Chỉ tiêu:</i>				
1	- Cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến tỉnh được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng	%	57,1	100	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Mục tiêu đến 2020	
				Toàn quốc	Điện Biên
2	- Cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng	%	100	100	100
3	- Tỷ lệ bệnh viện tuyến tỉnh có cán bộ dinh dưỡng tiết chế và thực hiện tư vấn, kê thực đơn dinh dưỡng cho điều trị một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù	%	40,0	95,0	80,0
4	- Tỷ lệ bệnh viện tuyến huyện có cán bộ dinh dưỡng tiết chế và thực hiện tư vấn, kê thực đơn dinh dưỡng cho điều trị một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù	%	11,1	50,0	50,0
5	Tỷ lệ huyện thực hiện giám sát dinh dưỡng theo quy định; Tỷ lệ tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng do thiên tai, thảm họa được đánh giá và can thiệp kịp thời.	%	100,0	100,0	100,0

PHỤ LỤC 03:

NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2018 -2020, TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 977 /KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	GIAI ĐOẠN 2018-2020															
		TỔNG SỐ				KH NĂM 2018				KH NĂM 2019				KH NĂM 2020			
		Tổng số	TW	Hỗ trợ từ ĐP	Hỗ trợ, Viện trợ	Tổng số	TW	Hỗ trợ từ ĐP	Hỗ trợ, Viện trợ	Tổng số	TW	Hỗ trợ từ ĐP	Hỗ trợ, Viện trợ	Tổng số	TW	Hỗ trợ từ ĐP	Hỗ trợ, Viện trợ
	TỔNG CỘNG:	3.740	2.259	1.181	300	933	706	227	-	977	750	227	-	1.830	803	727	300
1	Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	2.139	1.458	681	-	713	486	227		713	486	227		713	486	227	
2	Dinh dưỡng trong phòng chống các bệnh không lây nhiễm	801	801	-	-	220	220			264	264			317	317		
3	Các hoạt động điều tra, đánh giá các chỉ số dinh dưỡng cuối kỳ theo Kế hoạch hành động.	800	-	500	300									800		500	300